

NGHỀ ĐAN BAO MANH LÀNG VŨ XÁ VÀ NGHỀ LÀM NÓN LÁ CỦA LÀNG ĐÔNG THƯỢNG

ĐÀO PHỤNG

Làng Vũ Xá, tục gọi là làng Xá Mụa, có nghề đan bao manh cách đây 400 năm. Năm 1559 Quận công Vũ Sư Thuộc được Triều Lê, chúa Trịnh điều vào trấn ải cửa biển Linh Trường (Lạch Trường) nhằm ngăn chặn sự nổi dậy của Nhà Mạc. Một chi của dòng họ Vũ Sư từ làng Mụa (Yên Đổ, Bình Lục, Hà Nam) theo ông vào đất Thanh Hoá lập ấp tại xã Mỹ Lộc (huyện Hậu Lộc) có mang theo nghề đan bao manh. Từ đó đến nay nghề này được nối truyền và phát triển. Nghề đan bao manh mà nguyên liệu là cây cối đã gắn bó mật thiết với người nông dân như người nông dân gắn bó với cây lúa, cây khoai. Tuy là ở vùng đất chân lấm tay bùn nhưng người phụ nữ Xá Mụa ít thông thạo công việc đồng áng, mà giỏi nghề đan bao manh hơn.

Sản phẩm của nghề đan bao manh là chiếc túi xách xinh xắn, chiếc đệm dây kín đáo, bao bì đựng lúa, đựng gạo và bọc hàng thủ công xuất khẩu. Sản phẩm nào của làng Xá Mụa làm ra cũng tiện lợi, bền đẹp và được nhiều người ưa chuộng. Đặc biệt trong số các loại sản phẩm bao manh của làng Xá Mụa là chiếc áo *buồm* tình nghĩa với những ai đã từng đi sông, đi biển, làm đồng trong những ngày mưa tháng rét. Vào cái thời áo che mưa bằng ni lông, áo bạt chưa có hoặc quá hiếm và đắt đỏ, chiếc áo *buồm* sợi cối Xá Mụa được coi là "người bạn" thân thiết của người dân. Trước đây, làm ra được một tấm manh không phải dễ dàng, mặc dù công đoạn của nó chỉ có 4 bước: ngâm cối, đập cối, đan manh và khâu bao. Ngâm cối là làm cho sợi cối thôi bớt chất mặn, tăng độ trơn, giúp cho khi đan thao tác được nhanh. Cối ngâm từng đụn và ngâm được đụn nào phơi

khô đụn ấy, vừa để chống thâm vừa giữ được màu trắng bóng của cối. Cối được sợi nan manh như ý, người đập cối phải dùng chày để đập. Dụng cụ dùng đập cối đơn giản chỉ có 2 loại, đó là một phiến đá có chiều dài 0,4 m và có chiều rộng (bề mặt) 0,3 m dùng làm đòn kê và một chày đập được làm bằng gỗ dai (gỗ nhãn hoặc dổi) nặng khoảng 10 kg. Cối được trải đều trên mặt kê và người ta vừa dùng chày đập, vừa dùng tay trái đưa lên, đưa xuống và đập đến khi nào thấy sợi cối mỏng đẹp là được. Công việc đập cối rất khó nhọc, nhưng trong những ngày đập cối rất rôm rả : từ sớm mai đến chiều hôm, thôn xóm Xá Mụa gần như ngập chìm trong tiếng chày đập.

Quá trình hình thành một tấm bao manh, nam giới chỉ góp một phần nhỏ vào khâu đập cối, còn tất cả dành riêng cho người phụ nữ. Do đó nghề đan bao manh còn được coi là nghề "đàn bà". Do công việc đập cối nặng nhọc nên phụ nữ Xá Mụa hay mắc bệnh sa dạ con. Ngày nay công việc đập cối vất vả xưa kia đã được thay bằng máy cán cối. Máy cán cối, người lớn, trẻ em đều sử dụng dễ dàng, thuận tiện và đem lại năng suất cao. Khác hẳn với công việc đan thúng, đan sàng, người đan bao manh từ khi đặt ba nan đầu tiên cho đến khi kết thúc, hai chân luôn luôn mở hình chữ V; ngón chân cái phải kẹp một đầu nan, đồng thời ngón út tay phải kẹp nốt đầu nan còn lại, dùng 10 đầu ngón tay thao tác bắt nan dôn vào điểm giữa, khi gặp nan thì dứt nan kéo về phía tay trái và kẹp vào đầu ngón cái chân trái. Thứ tự như thế cho đến hoàn chỉnh chiếc manh. Người Xá Mụa trước khi vào đan lóng đôi bao giờ cũng bắt đầu đan mấy hàng lóng một tạo đà và giữ cho tấm manh khỏi bị tuột. Quá trình đan,

thường có đĩa dầu lạc bên cạnh để gắp những chỗ gờ xước (*lỗi*) phải xoa dầu lên và dùng hòn đá tròn (đồ nghề không thể thiếu) lăn đi lăn lại cho phẳng đều. Đan manh cũng tùy loại to hoặc nhỏ mà *cả* nan đan. Đan loại 2 m như hiện nay, mỗi người trong ngày đan nhanh được 10 chiếc với giá 15đ/ chiếc. Như vậy, thu nhập kinh tế trong nghề đan bao manh ở làng Xá Mụa không phải là thấp. Hiện nay đan bao manh của làng Xá Mụa chủ yếu để xuất khẩu, ngoài ra người dân cũng làm thêm một số mặt hàng dân dụng phục vụ tại chỗ như túi học sinh, bị và đệm...

Trước đây người dân Xá Mụa làm nghề và mở chợ để bán sản phẩm ngay trên đất quê. Chợ đó gọi là chợ Điểm. Một tháng chợ họp 6 phiên. Phiên chính họp ngày 4 và 9, còn hai phiên xép họp vào ngày 2 và 7. Chợ Điểm họp rất nhanh vì thường các lái buôn đến cất hàng mang đi nơi khác. Chợ Điểm bây giờ không còn nữa, giống như sự mất đi của nhiều chợ quê khác.

*

* *

Nghề nón lá làng Đông Thượng, xã Xuân Lộc (Thanh Hoá) cũng nổi tiếng khắp vùng. Theo các cụ cao tuổi ở đây, nghề nón lá có từ bao giờ và từ đâu đến, không một ai nhớ được. Chỉ biết rằng thuở lên 5, lên 6 các cụ ông, cụ bà đã được các mẹ dạy cho việc làm nón lá thành nghề, thành nghiệp. Ở đây phụ nữ không ai bảo ai đều biết làm đẹp cho nghề nón lá của mình.

Ở Đông Thượng có hai loại nón lá truyền thống. Đó là *nón lá vành ngang* và *nón lá vành luôn*. Nón vành ngang lợp bằng lá kê non, giống như nón quai thao, nhưng thô và không có chóp ở đỉnh đầu mà giống như cái sàng gạo và có 3 vành nhỏ như ba chân hương. Khi dựng nón, người làm nón đặt lên khuôn *vành cái cử một*, rồi đặt tiếp *vành cái cử hai* vào trong *vành cái cử một* (hai cái gần

sát nhau) vành cái cử ba vào trong vành cái cử 2 cách nhau gần 10 cm. Lúc lợp lá, nón được kê từ ngoài vào trong theo đường tròn xoắn ốc. Sau khi tháo khuôn (khuôn chỉ có hai vành: vành hai và vành ba) người *chằm* dựng thêm một vành phụ phía ngoài *vành cái cử một* (vành cố định) để uốn lá vào trong *vành cái cử một* và may cap. Khi may xong dùng dao hoặc dùng kéo cắt bằng lá mép và tháo vành phụ ra khỏi cap. Nón vành ngang rất khó làm. Người *chằm* nhanh trong ngày cũng chỉ được một cái. Giá thành nón vành ngang đắt gấp đôi nón vành luôn.

Khác với nón vành ngang, nón vành luôn có cử sẵn. Khi dựng lắp hai vành: vành cả và vành nhì lên cử, sau đó đặt lên chúng một vành chặn phía ngoài để giữ đều cho lá khó dòn. Vành luôn đã được vót sẵn vào trong nón đặt một đầu chạm vành cả, uốn vòng từ từ theo khuôn cử. Uốn đến đâu khâu đến đó cho nón đều và có chóp. Khâu hết lần thứ nhất, còn phải phủ bọc thêm một lớp kê non phía ngoài lớp lá đầu để tăng độ bền của nón và dùng kim khâu chặn lên các sóng lá một đường chỉ vòng, nhưng thưa hơn đường chỉ may lớp lá đầu, gọi là đường may *chùi chặn*. Hoàn chỉnh một chiếc nón vành luôn (còn gọi là nón vành xoắn ốc), thời gian cũng gần một buổi. Do lợp hai lần lá nên nón vành luôn nặng. Ngày xưa loại nón này rất thịnh hành ở Hậu Lộc, cũng như một số nơi ở Thanh Hoá.

Nón vành ngang và nón vành luôn đã thuộc về dĩ vãng, nhưng ở Đông Thượng hôm nay có một loại nón mới là nón mười sáu vành hay còn gọi là nón Vinh. Nón Vinh được du nhập vào Đông Thượng và trở thành sản phẩm của làng từ năm 1959. Gần 30 năm thịnh hành và phát triển, nón mới Đông Thượng tiếp tục truyền thống của làng xưa và không ngừng chinh phục sự mến mộ của các thế hệ người dùng ở Hậu Lộc, cũng như một số vùng lân cận.